TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 38/2017/HSST Ngày 28/9/2017	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Cương.

- Ông Nguyễn Thế Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thứ, Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y; xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 38/2017/HSST ngày 07/9/2017 đối các với bị cáo:

1. Ngô Đình Đsinh năm 1989; tại xã C, huyện Y, tỉnh Nam Định; trú tại xón 1, xã C, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; con ông Ngô Bá Thư và bà Nguyễn Thị H; vợ con chưa có; tiền sự không, tiền án ngày 14/6/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 02/8/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành chung của hai bản án là 39 tháng tù, tính đến ngày 09/6/2017 bị cáo chưa chấp hành xong phần hình phạt bổ sung và phần án phí; bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 22/6/2017 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Đào Thị Kim H sinh năm 1996; tại xã Yên P, huyện Y, tỉnh Nam Định; trú tại thôn Hưng X, xã Yên P, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 09/12; con ông Đào Văn V và bà Đào Thị Th; chồng là Phạm Văn V và có 01 con 03 tuổi; tiền sự không, tiền án không; bị cáo đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Anh Bùi Thanh Ng sinh năm 1985; địa chỉ tại xóm 4, xã Khánh C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Ngô Minh T sinh năm 1982; địa chỉ xóm 5, xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình.; có mặt tại phiên tòa

NHẬN THẤY

Các bị cáo Ngô Đình Đ và Đào Thị Kim H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong thời gian từ ngày 25/5/2017 đến ngày 09/6/2017 Đ và H đã bàn bạc cùng nhau, đi tìm sự sơ hở của chủ tài sản là người dân trên địa bàn huyện Y và huyện K

để trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài, đã thực hiện 02 vụ trộm cắp 02 xe mô tô có tổng trị giá tài sản là 49.000.000 đồng của anh Ng chị L và anh T chị Q, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Tối ngày 24/5/2017 H sử dụng điện thoại Nokia 1280 có số thuê bao 0971045337 và Đ sử dụng điện thoại Nokia 105 có số thuê bao 0961143112 nhắn tin cho nhau bàn bạc, thông nhất ngày hôm sau cùng nhau đi trộm cắp xe mô tô. Khoản 13 giờ ngày 25/5/2017 Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 18P6-9071 chở H từ huyện Y, tỉnh Nam Định đến xã Khánh C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đi theo đường 480C để tìm sơ hở trộm cắp xe mô tô; khi đi đến nhà anh Ng chi L ở Yên Cư 4, xã Khánh C phát hiện có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Waves biển kiểm soát 74K-0221 của vợ chồng anh Ng đang dựng trước cửa nhà, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ điện, không có người trông coi, Đ và H thống nhất trộm cắp chiếc xe này. Đ xuống xe đi bộ đến mở khóa điện rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74K1-0221 tẩu thoát, Đ và H mỗi người điều khiển một xe mô tô về huyện Y, tỉnh Nam Định. Trên đường về Đ tháo biển kiểm soát 74K1-0221 ném đi, sau đó Đ cho em trai là Dg mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74K1-0221 để sử dụng, Đ nói dối với H là bán xe được 2.500.000 đồng và chia cho H 300.000 đồng.

Ngày 21/6/2017 Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận: Chiếc xe mô tô Wave biển kiểm soát 74K1-0221 trị giá 8.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Trưa ngày 09/6/2017 Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18P6-9071 chở H từ huyện Y, tỉnh Nam Định đến huyện K, tỉnh Ninh Bình để cùng nhau tìm sơ hở trộm cắp xe mô tô; khi đi đến nhà anh T ở xóm 5, xã Â, huyện K phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Ariblade biển kiểm soát 35K1-220.63 của gia đình anh T đang dựng trong sân trước cửa nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện, không có người trông coi, Đ và H thống nhất trộm chiếc xe này. Đ xuống xe đi bộ vào sân dắt trộm chiếc xe mô tô 35K1-220.63 ra ngoài đường rồi mở khóa điện điều khiển xe tẩu thoát. Đ và H mỗi người điều khiển một xe mô tô về huyện Y, tỉnh Nam Định. Đ đem chiếc xe mô tô 35K1-220.63 đến nhà anh D ở thôn Hưng X, xã Yên P, huyện Y, tỉnh Nam Định nói cần đi Hà Nội có việc nên xin gửi xe mô tô và vay của anh D số tiền 10.500.000 đồng. Sau đó Đ gặp H nói dối bán xe vừa trộm cắp được 10.500.000 đồng và chia cho H 02 lần tổng cộng là 5.940.000 đồng.

Ngày 21/6/2017 Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận: Chiếc xe mô tô Honda Ariblade biển kiểm soát 35K1-220.63 trị giá 41.000.000 đồng.

Trưa ngày 16/6/2017 anh T phát hiện Đ và H đang có mặt tại xóm 5, xã Â, huyện K thấy giống các đối tượng đã trộm cắp xe môtô của mình, nên đuổi theo đồng thời báo cho Công an huyện Y kiểm tra Đ và H.

Quá trình điều tra Cơ quan Điều tra đã thu giữ của anh Dg chiếc xe mô tô nhãn hiệu Waves biển kiểm soát 74K-0221; thu giữ của anh D chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Ariblade biển kiểm soát 35K1-220.63; thu giữ của Đ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 18P6-9071 và 01 điện thoại sam sung lắp sim thuê bao số 0961143112; thu giữ của H 01 điện thoại di động Nokia 105 lắp sim thuê bao số 0972262664.

Chiếc điện thoại di động Nokia 1280 và sim thuê bao số 0971045337 của H dùng liên lạc với Đ đi trộm cắp tài sản và chiếc biển kiểm soát xe mô tô 74K1-0221 cơ quan điều tra truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 06/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, truy tố các bị cáo Đ và H ra trước Tòa án nhân dân huyện Y, để xét xử về tội

“Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa Đ diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đ và H về tội “Trộm cắp tài sản” như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, các điểm o- p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H. Xử phạt bị cáo Đ từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/9/2017; bị cáo H từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sũng quỹ Nhà nước 01mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 18P6-9071; 01 điện thoại di động Nokia 105; buộc bị cáo H phải nộp 6.240.000 đồng tiền do phạm tội mà có để tịch thu sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền bị cáo H đã nộp là 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, bị cáo H còn phải nộp tiếp 5.240.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo Đ và H thừa nhận hành vi hai lần trộm cắp tài sản của mình gồm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Waves biển kiểm soát 74K-0221 tại huyện Y và 01chiếc xe mô tô nhãn hiệu Ariblade biển kiểm soát 35K1-220.63 tại huyện K.

Nói lời sau cùng bị cáo Đ không có ý kiến gì. Bị cáo H nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo do tuổi đời còn trẻ nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng hiện đang sống ly thân, bị có một mình đang phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi và tài sản chiếm đoạt của các bị cáo, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Tối ngày 24/5/2017 H sử dụng điện thoại Nokia 1280 có số thuê bao 0971045337 và Đ sử dụng điện thoại Nokia 105 có số thuê bao 0961143112 nhắn tin cho nhau rủ nhau ngày hôm sau đi trộm cắp xe mô tô.

Chiều ngày 25/5/2017 Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển kiểm soát 18P6-9071 chở H đến địa phận thôn Yên Cư 4, xã Khánh C, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để tìm sơ hở trộm cắp xe mô tô; khi đi đến nhà anh Ng phát hiện thấy trước cửa nhà có dựng một xe mô tô Waves biển kiểm soát 74K-0221, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ điện, không có người trông coi. Đ xuống xe đi bộ đến mở khóa điện rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74K1-0221 cùng với H mỗi người một xe mô tô đi về huyện Y, tỉnh Nam Định. Trên đường về Đ tháo biển kiểm soát của xe mô tô ném đi, sau đó Đ cho em trai là Dg mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74K1-0221 để sử dụng, Đ nói dối với H là bán xe được 2.500.000 đồng và chia cho H 300.000 đồng.

Trưa ngày 09/6/2017 Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 18P6-9071 chở H đến xóm 5, xã Â, huyện K, tỉnh Ninh Bình để tìm sơ hở trộm cắp xe mô tô; khi đi đến nhà anh T phát hiện thấy trong sân nhà anh T có dựng một xe mô tô Ariblade

biển kiểm soát 35K1-220.63, chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện, không có người trông coi. Đ xuống xe đi bộ vào sân nhà anh T dắt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35K1-220.63 ra ngoài đường rồi nổ máy cùng với H mỗi người một xe mô tô đi về huyện Y, tỉnh Nam Định. Đ đem chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35K1-220.63 đến nhà anh D ở thôn Hưng X, xã Yên P, huyện Y, tỉnh Nam Định nói cần đi Hà Nội có việc nên xin gửi xe mô tô tại nhà anh D và vay của anh D số tiền 10.500.000 đồng để lấy tiền đi Hà Nội. Sau đó Đ gặp H nói dối là đã bán xe được 10.500.000 đồng và chia cho H 02 lần tổng cộng là 5.940.000 đồng.

Hành vi lén lút lấy và chiếm đoạt chiếc xe mô tô Waves biển kiểm soát 74K-0221 và chiếc xe mô tô Ariblade biển kiểm soát 35K1-220.63 của người khác với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 49.000.000 đồng của bị cáo Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trong xã hội, hành vi của bị cáo Đ đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H tham gia đi cùng với Đ với nhiệm vụ sau khi Đ lấy trộm được tài sản thì H sẽ đi chiếc xe mô tô của Đ và Hđang đi để mang về, nên H đồng phạm với Đ về tội "Trộm cắp tài sản" với vai trò giúp sức.

Xét tính chất, mức độ và hành vi của từng bị cáo trong vụ án thì thấy rằng:

Bị cáo Đ là người giữ vau trò chính trong vụ án vì Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bản thân Đ đang có tiền án về hành vi chiếm đoạt, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới do cố ý, nên bị cáo Đ đã phạm vào tình tiết tăng nặng là "Tái phạm"; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào hai khoảng thời gian khác nhau, giá trị tài sản chiếm đoạt của mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng nên bị cáo còn phạm thêm vào tình tiết tăng nặng nữa là "Phạm tội nhiều lần" cả hai tình tiết tăng nặng đều được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; có như vậy mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo Đ đó là "Bị cáo tự thú, thành khẩn khai báo" theo quy định tại các điểm o và điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H giữ vai trò thứ hai trong vụ án, vì H là người giúp sức cho Đ thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo H cũng hai lần cùng với Đ thực hiện hành vi phạm tội vào hai khoảng thời gian khác nhau, với giá trị tài sản chiếm đoạt của mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, nên bị cáo H đã phạm vào tình tiết tăng nặng là "Phạm tội nhiều lần" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, cũng cần xử phạt các bị cáo H với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, vừa đủ để giáo dục bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo H đó là "Bị cáo tự thú, thành khẩn khai báo, tự nguyện nộp lại một phần tiền do phạm tội mà có và thể hiện sự ăn năn hối cải" các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm o- p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 của Bộ luật Hình sự, bản thân bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng đang sống ly thân, một mình bị cáo đang phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; về nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, lại có nơi cư trứ rõ ràng, nên xét áp dụng Điều 60 của Bộ

luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con còn nhỏ; đây cũng là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ "01 xe mô tô Waves biển kiểm soát 74K-0221; 01 xe mô tô Ariblade biển kiểm soát 35K1-220.63; 01 xe mô tô Wave biển kiểm soát 18P6-9071; 01 điện thoại samsung lắp sim thuê bao số 0961143112; 01 điện thoại di động Nokia 105 lắp sim thuê bao số 0972262664". Hai chiếc xe mô tô do bị cáo chiếm đoạt của người bị hai, 01 điện thoại di động samsung thu giữ của Đ do không có liên quan đến vụ án, nên Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng pháp luật. Đối với chiếc xe mô tô Wave biển kiểm soát 18P6-9071 thu giữ của Đ đăng ký mang tên Tr nhưng quá trình điều tra xác minh không xác định được anh Tr, theo bị cáo Đ khai đã mua chiếc xe mô tô này của người không quen biết và chiếc điện thoại di động Nokia 105 thu giữ của H đây đều là phương tiện phạm tội, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc biển kiểm soát của xe mô tô 74K1-0221 bị cáo Đ đã tháo vứt đi, nhưng trong lời khai anh Ng không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về số tiền 6.240.000 đồng Đ đưa cho H, theo Đ khai là chia tiền xe mô tô trộm cắp được, Đ đưa tiền cho H để Đ được hưởng toàn bộ tài sản đã trộm cắp. Do vây, số tiền này Đ sử dụng vào việc phạm tội, bị cáo H được thu lợi bất chính, nên buộc bị cáo H phải nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền bị cáo H đã nộp là 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, bị cáo H còn phải nộp tiếp 5.240.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về số tiền 10.500.000 đồng anh D đã cho bị cáo Đ vay, đây là quan hệ dân sự không liên quan đến vụ án và anh D cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong vụ án này còn có anh Dg là người đã mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 74K-0221 của Đ và anh D là người đã cho Đ gửi nhờ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35K1-220.63, nhưng do cả anh Dg và anh D đều không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên hành vi của anh Dg và của anh D không có dấu hiệu tội phạm.

Về án phí hình sự: Các bị cáo Đ và H đều bị xử có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Ngô Đình Đ và bị cáo Đào Thị Kim H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, các điểm o- p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự đối với bi cáo H.

Xử phạt:

- Ngô Đình Đ 30 (ba mười) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 22/6/2017.

- Đào Thị Kim H 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đào Thị Kim H cho Ủy ban nhân xã Yên P, huyện Y, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Yên P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sũng quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 18P6-9071 và 01 điện thoại di động Nokia 105, riêng chiếc sim điện thoại tịch thu tiêu hủy. Vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/9/2017 giữa Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

- Buộc bị cáo H phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 6.240.000 đồng, để tịch thu sung quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền bị cáo H đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2013/0001055 ngày 28/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, bị cáo H còn phải nộp tiếp số tiền là 5.240.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Ngô Đình Đ và Đào Thị Kim H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đ, bị cáo H và người bị hại là anh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là anh Ng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo,
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Văn Lực